

Số: 37/2020/QĐST- DS

Phước Long, ngày 14 tháng 9 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 04 tháng 9 năm 2020 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 68/2019/TLST- DS ngày 30 tháng 5 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội Dung thoả thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

*** NgU đơn:** Ông Nguyễn Đức H, sinh năm 1947

Địa chỉ: Khu phố 1, phường T, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đức D, sinh năm 1974

Địa chỉ: Khu phố L, phường T, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

*** Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn T (tên gọi khác: Nguyễn Trung T), sinh năm 1958

Địa chỉ: Khu phố 1, phường T, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

*** Người có quyền lợi, Nghĩa vụ liên quan:**

- Bà Nguyễn Thị Thu N, sinh năm 1962

Địa chỉ: Khu phố 1, phường T, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

- Ông Nguyễn T1, sinh năm 1955

Địa chỉ: Khu phố 1, phường T, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước

- Ông Nguyễn Minh L (đã chết)

Địa chỉ: Tổ 5, thôn T, xã P, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước;

Những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông L: Bà Vũ Thị H, sinh năm 1944; anh Nguyễn Thanh H1, sinh năm 1968; anh Nguyễn Văn H2, sinh năm 1976; anh

Nguyễn Văn L, sinh năm 1986; cùng địa chỉ: tổ 5, thôn T, xã P, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước; chị Nguyễn Thị H3, sinh năm 1970; địa chỉ: Tổ 11, thôn P, xã P, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước; chị Nguyễn Thị Thu H4, sinh năm 1975; địa chỉ: số 113/104 tổ 4, khu phố 6, phường H, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

Người đại diện theo ủy quyền của bà H, anh H1, anh H2, anh L, chị H4: Chị Nguyễn Thị H3, sinh năm: 1970; địa chỉ: tổ 11, thôn P, xã P, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

- Ông Nguyễn Đức S (đã chết);

Địa chỉ: thôn H, Xã P, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước;

Những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông S: Bà Trần Thị N1, sinh năm 1954; anh Nguyễn Bảo C, sinh năm 1976; anh Nguyễn Bảo N2, sinh năm 1981; cùng địa chỉ: thôn H, xã P, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước; chị Nguyễn Thị Thu T2, sinh năm: 1975; địa chỉ: khu phố 3, phường T, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước; chị Nguyễn Thị Thu H5, sinh năm 1987; địa chỉ: khu phố 3, phường T, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước; anh Nguyễn Bảo C1 (đã chết) - *hàng thừa kế thứ nhất của anh C1:* cháu Nguyễn Phan Bảo U, sinh năm: 2001; địa chỉ: ấp 1B, phường T, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- Ông Phạm Văn T3, sinh năm 1976

- Ông Lê Văn H6, sinh năm 1958

- Ông Lê Cao V, sinh năm 1963

- Ông Lê Hoàng L1, sinh năm 19.

Ông T3, ông H6, ông V, ông L1 cùng địa chỉ: Khu phố 1, phường T, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ghi nhận ý kiến của tất cả các đương sự trong vụ án thuộc hàng thừa kế của ông P, bà D cùng thống nhất cử bà Nguyễn Thị Thu N là người giám hộ cho ông Nguyễn T1.

2.2. Xác định diện tích 1897,5m², tọa lạc tại tổ 1, khu phố 1, phường T, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước được UBND tỉnh Bình Phước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1518/QSDĐ/UB ngày 20/7/2000 cho ông Nguyễn Hữu P (trong đó có một phần diện tích khi ông P bà D còn sống đã sang nhượng cho ông L1, ông T3, ông H6, ông V nhưng chưa làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất theo qui định) là di sản của ông Nguyễn Hữu P và bà Phạm Thị D để lại.

2.3. Những người thuộc hàng thừa kế của ông P, bà D là: Ông Nguyễn Đức H; Nguyễn Văn T (Nguyễn Trung T); ông Nguyễn T1, bà Nguyễn Thị Thu N; ông Nguyễn Minh L – đã chết (những người thuộc hàng thừa kế của ông Nguyễn Minh L là bà Vũ Thị H, anh Nguyễn Thanh H1, anh Nguyễn Văn H2, anh Nguyễn Văn Long, chị Nguyễn Thị H3, chị Nguyễn Thị Thu H); ông Nguyễn Đức S – đã chết (những người

thuộc hàng thừa kế của ông S là bà Trần Thị N1, anh Nguyễn Bảo C, anh Nguyễn Bảo N2, chị Nguyễn Thị Thu T2, chị Nguyễn Thị Thu H5, anh Nguyễn Bảo C1 - đã chết (người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của anh C1 là cháu Nguyễn Phan Bảo U) thống nhất chia di sản của ông P, bà D - diện tích đất theo số liệu đo đạc chính qui là 1.099m² (đã trừ phần diện tích đất đã bán cho ông L1, ông T3, ông H6, ông V) cụ thể như sau:

2.3.1. Ông Nguyễn Văn T (Nguyễn Trung T) được quyền sử dụng các diện tích đất sau:

- Diện tích đất thứ nhất: 722m² đất, tọa lạc tại: tổ 1, khu phố 1, phường T, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước; trong đó có: 110m² đất thổ cư và 612m² đất nông N1.

Đất có tứ cận:

+ Phía Bắc giáp đường Phan Bội Châu có cạnh dài 0,33m + 11,55m + 16,16m

+ Phía Đông giáp đất ông H6 có cạnh dài 15.88m

+ Phía Tây giáp phần đất đã chia cho ông T1 có cạnh dài 28.56m

+ Phía Nam giáp đất bà M có cạnh dài 3,64m + 6,45m + 8,83m + 14,50m + 4m + 2,91m

- Diện tích đất thứ hai: 47,4m² đất nông nghiệp; tọa lạc tại: tổ 1, khu phố 1, phường T, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

Đất có tứ cận:

+ Phía Bắc giáp đường Phan Bội Châu có cạnh dài 15,26m

+ Phía Đông giáp đất ông S1 có cạnh dài 7,38m + 7,86m

+ Phía Tây giáp phần đất ông N2 có cạnh dài 4,1m

+ Phía Nam giáp đất ông S1 có cạnh dài 1,37m

Ông T được quyền sở hữu toàn bộ tài sản trên đất của cả hai diện tích đất nêu trên.

- Các đồng thừa kế thống nhất, ngoài diện tích đất ông T được hưởng di sản như trên (diện tích đất 722m²; 47,4m²) thì ông T còn được đứng tên quyền sử dụng đất đối với các diện tích đất mà khi ông P bà D còn sống đã sang nhượng cho ông L1, ông T3, ông H6, ông V nhưng chưa làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất theo quy định và ông T có nghĩa vụ thực hiện thủ tục tách thửa quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai và quy định khác của pháp luật có liên quan cho ông Phạm Văn T3, ông Lê Văn H6, ông Lê Cao V, ông Lê Hoàng L1 khi những người này có yêu cầu.

2.3.2. Ông Nguyễn Đức H được quyền sử dụng diện tích 93,9m² đất nông nghiệp; tọa lạc tại: tổ 1, khu phố 1, phường T, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

Đất có tứ cận:

+ Phía Bắc giáp đường Phan Bội Châu có cạnh dài 05m

+ Phía Nam giáp đất ông V có cạnh dài 05m

+ Phía Đông giáp phần đất chia cho ông T1 có cạnh dài 21.83m

+ Phía Tây giáp đất ông Đ có cạnh dài 18,49m

2.3.3. Ông Nguyễn T1 được quyền sử dụng diện tích 235,7m² đất nông nghiệp; tọa lạc tại: tổ 1, khu phố 1, phường T, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

Đất có tứ cận:

+ Phía Bắc giáp đường Phan Bội Châu có cạnh dài 10m

+ Phía Nam giáp đất ông V có cạnh dài 3,39m + 6,61m

+ Phía Đông giáp phần đất của ông P (hiện ông T đang sử dụng) có cạnh dài 21.56m

+ Phía Tây giáp đất đã chia cho ông H có cạnh dài 21,83m

- Các đồng thừa kế thống nhất đồng ý để bà Nguyễn Thị Thu N đến liên hệ tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục tách thửa đối với diện tích đất mà các đồng thừa kế đã thống nhất chia cho ông Nguyễn T1.

(Có sơ đồ bản vẽ kèm theo).

2.4. Khi quyết định có hiệu lực pháp luật, ông Nguyễn Văn T (Nguyễn Trung T), ông Nguyễn Đức H, bà Nguyễn Thị Thu N có quyền và N1ĩa vụ liên hệ liên hệ tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục tách thửa đối với các diện tích đất nêu trên mà các đồng thừa kế đã thống nhất chia cho ông T, ông H, ông T1 và được tiến hành kê khai, điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Mọi chi phí tách thửa quyền sử dụng đất do ông T, ông H, ông T1 tự chịu.

2.5. Án phí dân sự sơ thẩm: Do ông T, ông H và ông T1 là người cao tuổi (đủ 60 tuổi) và có đơn xin miễn án phí thuộc trường hợp tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 N1i quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí - lệ phí Tòa án nên được miễn toàn bộ án phí mà ông T, ông H, ông T1 phải chịu theo quy định.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật Ny sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát thị xã Phước Long;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Nguyễn Trần Ánh Nguyệt